

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

MÔN: **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7** – Kỳ kiểm tra Giữa Học kì I – Thời gian làm bài: 60 phút

NĂM HỌC: 2026-2027

1. KHUNG MA TRẬN

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (Tự luận 6 câu)					
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	TL	TN	Tổng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	MỞ ĐẦU	Bài 1. Phương pháp học tập môn Khoa học tự nhiên	2 (C1,2)							2	0,5
2	NGUYÊN TỬ - NGUYÊN TỐ HÓA HỌC – SƠ LƯỢC VỀ BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC	Bài 2. Nguyên tử		2 (C3,4)		1TL (TLC1)			1	2	1,5
		Bài 3. Nguyên tố hóa học	2 (C5,6)				1TL (TLC3)		1	2	1,5
		Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	2 (C7,8)	2 (C9,10)				1TL (TLC4)	1	4	2,0
3	PHÂN TỬ	Bài 5. Phân tử - Đơn chất – Hợp chất	2 (C11,12)					1TL (TLC5)	1	2	1,5

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (Tự luận 6 câu)					
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	TL	TN	Tổng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		Bài 6. Giới thiệu về liên kết hóa học	2 (C13,14)					1TL* (TLC6)	1	2	1,5
		Bài 7. Hóa trị và công thức hóa học	2 (C15,16)				1TL (TLC2)		1	2	1,5
4	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		12TN	4TN		1TL	2TL	3TL	6	16	
5	Điểm số		3,0	1,0		1,0	2,0	3,0	6,0	4,0	10,0
6	Tổng số điểm		4,0 điểm			6,0 điểm			10 điểm		10 điểm

Ghi chú: + Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần III là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại Phần II là một lệnh hỏi.

+ **Phần 1:** 16 câu TN lý thuyết – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 6 câu Tự Luận – 6,0 điểm

2. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	MỞ ĐẦU	Bài 1. Phương pháp và kỹ năng học tập môn Khoa học tự nhiên	Nhận biết: - Nêu được tên 5 bước cơ bản trong phương pháp tìm hiểu tự nhiên - Nêu được tên các kỹ năng để học tập môn Khoa học tự nhiên - Nêu được công dụng của công quang điện, đồng hồ đo thời gian hiện số.	2TN (C1,2)		
2	NGUYÊN TỬ - NGUYÊN TỐ HÓA HỌC – SƠ LƯỢC VỀ BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC	Bài 2. Nguyên Tử	Nhận biết: - Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử). - Nhận biết được số proton, số electron, số neutron, số đơn vị điện tích hạt nhân, điện tích hạt nhân có trong nguyên tử. Thông hiểu: - Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford - Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp electron ở vỏ nguyên tử). - Phân biệt được hạt proton, hạt electron, hạt neutron, hạt mang điện, hạt không mang điện - Giải thích được khối lượng nguyên tử chính là khối lượng hạt nhân	1TL (TLC1)	2TN (C3,4)	
		Bài 3. Nguyên tố hóa học	Nhận biết: - Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hóa học - Viết được kí hiệu hóa học và đọc được tên của 20 nguyên tố thường gặp - Nêu được số proton đặc trưng cho một nguyên tố hóa học Thông hiểu: - Giải thích được vì sao cần phải xây dựng hệ thống kí hiệu các nguyên tố hóa học - Phân biệt được các nguyên tố hóa học ứng với từng ứng dụng của nguyên tố đó trong thực tế đời sống - So sánh được khối lượng nguyên tử của các nguyên tử	2TN (C5,6)	1TL (TLC3)	

		Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Nhận biết: - Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. - Chỉ ra những thông tin cơ bản trong ô nguyên tố hóa học Thông hiểu: - Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm ô, nhóm, chu kì. Vận dụng: - Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra vị trí (ô, nhóm, chu kì) của nguyên tố hóa học - Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/ nguyên tố kim loại, nhóm nguyên tố/ nguyên tố phi kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn.	2TN (C7,8)	2TN (C9,10)	1TL (TLC4)
3	PHÂN TỬ	Bài 5. Phân tử - Đơn chất - Hợp chất	Nhận biết: - Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. - Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất. Thông hiểu: - Phân loại và giải thích được đơn chất và hợp chất Vận dụng: - Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.	2TN (C11,12)		1TL (TLC5)
		Bài 6. Giới thiệu về liên kết hóa học	Nhận biết: - Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm, sự hình thành liên kết cộng hóa trị theo nguyên tắc dùng chung electron. - Nêu được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron ngoài cùng giống nguyên tử nguyên tố khí hiếm. Vận dụng: - *Vận dụng kiến thức sự hình thành liên kết cộng hóa trị dựa vào sự dùng chung electron,, hình thành liên kết ion dựa vào sự cho và nhận electron để phát hiện phân tử chất đó có liên kết ion hay liên kết cộng hóa trị. Từ đó, vẽ sơ đồ và mô tả quá trình tạo thành liên kết của phân tử chất đó	2TN (C13,14)		1TL (TLC6)*
		Bài 7. Hóa trị và công thức hóa học	Nhận biết - Trình bày được khái niệm về hóa trị, cách viết công thức hóa học	2TN (C15,16)	1TL (TLC2)	

			- Viết được công thức hóa học của một số hợp chất đơn giản, thông dụng. Thông hiểu: - Viết được công thức hóa học dựa vào hóa trị, trình bày được quy tắc hóa trị, mối liên hệ giữa hóa trị của nguyên tố và công thức hóa học.			
TỔNG	Trắc nghiệm	Số câu: 16 câu		12 TN	4 TN	
		Số điểm: 4,0 điểm		3,0 điểm	1,0 điểm	
	Tự luận	Số câu: 06 câu		1 TL	2 TL	3 TL
		Số điểm: 6,0 điểm		1,0 điểm	2,0 điểm	3,0 điểm
				40%	30%	30%

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026 – 2027
MÔN GDCD – **KHỐI 7 (TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN)**
Thời gian làm bài: 45 phút

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								Tổng số câu	Tổng điểm	Ghi chú
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO				
			CH	Điểm	CH	Điểm	CH	Điểm	CH	Điểm	TN+TL		
1	Giáo dục đạo đức	Bài 1: Tự hào về truyền thống quê hương	4 TN 1TL	2,0							4 câu TN 1TL	2,0	
2	Giáo dục đạo đức	Bài 2: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	4 TN	1,0			1/2TL	1,5	1/2TL	0,5	4 câu TN 1 câu TL	3,0	
3	Giáo dục đạo đức	Bài 3: Học tập, tự giác, tích cực	4 TN	1,0	1TL	3,0	1/2TL	0,5	1/2TL	0,5	4 câu TN 2 câu TL	5,0	
TỔNG			12TN 1TL	4,0	1TL	3,0	1TL	2,0	1TL	1,0	12TN+4TL	10	
Tỉ lệ			40%		30%		20%		10%		100%		
TỔNG ĐIỂM			4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		

Lưu ý: điểm trắc nghiệm là 3 điểm

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026 – 2027
MÔN GDCD – **KHỐI 7**
Thời gian làm bài: 45 phút

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	Bài 1: Tự hào về truyền thống quê hương	Nhận biết: - Hiểu được khái niệm: truyền thống quê hương là gì -Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. -Nhận biết được những giá trị tốt đẹp về truyền thống tốt đẹp của quê hương đất nước Thông hiểu: Nêu được các việc làm thể hiện việc giữ gìn, phát huy các truyền thống quê hương. Vận dụng: Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương Vận dụng cao: Lập kế hoạch thực hiện một việc làm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương và kiên trì thực hiện theo kế hoạch đã lập.	4TN 1TL			
2	Giáo dục đạo đức	Bài 2: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	Nhận biết: - Các khái niệm: quan tâm, cảm thông, chia sẻ - Những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. Thông hiểu: - Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.	4TN		1/2TL	1/2TL

			- Nêu được các việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ. Vận dụng: Bản thân thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. Vận dụng cao: - Biết khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. - Phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.				
3	Giáo dục đạo đức	Bài 3: Học tập, tự giác, tích cực	Nhận biết: - Khái niệm học tập tự giác, tích cực. - Các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. Thông hiểu: Hiểu ý nghĩa của việc học tập tự giác, tích cực. Vận dụng: - Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực. - Tìm được các biện pháp học tập nâng cao kết quả học tập Vận dụng cao: Biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này.	4TN	1TL	1/2TL	1/2TL
Tổng				12 TN 1TL	1 TL	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %			100%	30%	30%	30%	10%
Tỉ lệ chung			100%	30%	70%		

Nội dung kiểm tra	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật ứng dụng	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại:</i> kết hợp: Hội họa Đồ hoạ <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 2D. Sản phẩm thực hành của HS <i>Định hướng chủ đề</i> - Vẽ đẹp di tích	Nhận biết: Xác định được nội dung chủ đề Thông hiểu: Biết cách sử dụng số chất liệu/vật liệu trong thực hành sáng tạo. Vận dụng: Vận dụng được nguyên lí cân bằng và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo. Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm. Vận dụng cao: Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế đời sống.

TP.HCM, ngày 03 tháng 10 năm 2026

DUYỆT CỦA TCM

Lê Anh Tuấn

Phiếu đánh giá nội dung kiểm tra
1. Thể hiện được nội dung: Vẽ đẹp di tích . 2. Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành: biết cách chọn lọc giá trị thẩm mĩ của nghệ thuật truyền thống và sử dụng hình ảnh di tích văn hóa - lịch sử (ở địa phương hoặc quốc gia) để thiết kế một con tem bưu chính đơn giản. 3. Thể hiện được việc sắp xếp một số yếu tố tạo hình; nét, hình, màu sắc, đậm nhạt... trên SP chủ đề Vẽ đẹp di tích. 4. Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm thiết kế tem (của cá nhân). Liên hệ ứng dụng sản phẩm thiết kế tem: Đề tài vẽ đẹp di tích giúp nêu lên tình yêu thiên nhiên và chia sẻ trách nhiệm của HS trong việc góp phần giữ gìn, phát huy nét đẹp văn truyền thống quê hương, đất nước.

*** Hướng dẫn xếp loại theo mức độ:**

Mức Đ (Đạt): HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3); 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc cả 5 tiêu chí.

Mức CĐ (Chưa đạt): HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả 2 tiêu chí (1 và 2) trong 5 tiêu chí.

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:** Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: chạy cự li ngắn (60m).
- Năng lực:** Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:** Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (2,5 điểm) và thực hành (7,5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TH		
1	Chủ đề 1: Chạy cự li ngắn (60m)	Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát	1	1	1	1	1	2			3		4	25
		Phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng	1	1	1	1	1	2			3		4	

		Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li ngắn (60m)	1	1	1	1	2	5			4		7	
		Thực hành: Chạy cự li ngắn (60m)							1	30			30	75
Tổng			3	3	3	3	4	9	1	30	10	1	45	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			7,5		7,5		10		75		25	75		

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Môn: GDTC Lớp 7 (Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Chạy cự li ngắn (60m).	Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát	- Nhận biết: Thực hiện được giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát. - Thông hiểu: Tự tập luyện hoặc tổ chức tập luyện cùng bạn, có thể tự sửa sai thông qua tập luyện. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1 (0,25 đ)	1(0,25 đ)	1(0,25 đ)	
		Phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng	- Nhận biết: Thực hiện được gia đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Thông hiểu: Tự tập luyện hoặc tổ chức tập luyện cùng bạn, có thể tự sửa sai thông qua tập luyện. - Vận dụng: Luyện tập xuất phát cao ở các tư thế khác nhau để rèn luyện khả năng phản ứng nhanh	1(0,25 đ)	1(0,25 đ)	1(0,25 đ)	
		Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li ngắn (60m)	- Nhận biết: Thực hiện được giai đoạn chạy giữa quãng và về đích; thực hiện được các gia đoạn trong chạy cự li ngắn - Thông hiểu: Biết được một số điều luật cơ bản trong chạy cự ly ngắn. - Vận dụng: Tích cực tìm hiểu kiến thức mới, tự giác tập luyện và sẵn sàng giúp đỡ bạn bè..	1(0,25 đ)	1(0,25 đ)	2(0,5 đ)	
		Thực hành: Chạy cự li ngắn (60m) xuất phát cao	- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi phát triển sức nhanh. - Vận dụng: Tổ chức thi đấu.				1(7,5 đ)
Tổng số câu, điểm				3	3	4	1
Tỉ lệ % các mức độ nhận thức				7,5	7,5	10	75

BAN LÃNH ĐẠO

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Trịnh Văn Tuấn

BẢNG ĐẶC TẢ GIỮA HỌC KÌ I

Bộ môn: Nghệ thuật 7 (Âm nhạc)

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Hát	- Chủ đề 1: Bài hát <i>Khai trường</i> (Nhạc do Quỳnh Hợp sáng tác, phổ thơ từ bài thơ của Dương Xuân Linh.) - Chủ đề 2: Bài hát <i>Vì cuộc sống tươi đẹp</i> (do nhạc sĩ Bùi Anh Tú sáng tác, phổ từ bài thơ cùng tên của nhà thơ Nguyễn Trọng Hoàn)	Nhận biết: Nêu được tên bài hát, tên các tác giả và nội dung của bài hát.
			Thông hiểu: - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của các bài hát. - Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.
			Vận dụng: - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà. - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp.

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
2	Đọc nhạc	Bài đọc nhạc số 1	Nhận biết: - Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc
			Thông hiểu: - Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc. - Phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc. - Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc
			Vận dụng: - Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng. - Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc. - Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm.
3	Nhạc cụ	- Nhạc cụ tiết tấu: Các bài thực hành gõ đệm (thanh phách, song loan, tambourine, trống nhỏ, Maracat...) cho Chủ đề 1, 2. - Nhạc cụ giai điệu: Các bài thực hành thổi Recorder hoặc Kèn phím cho Chủ đề 2	Nhận biết: Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.
			Thông hiểu: Biết nhận xét về cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.
			Vận dụng: - Biết chơi nhạc cụ đúng kĩ thuật. - Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu. - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			- Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu. - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát.

Tùy vào khả năng, năng khiếu của bản thân các em được phép chọn 1 trong 3 nội dung trên để thực hành kiểm tra.

TTCM

Phí Thị Thu Hiền

BẢNG NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: Công nghệ - Lớp 7 – Kỳ kiểm tra giữa học kì I

Năm học: 2026-2027

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (Tự luận 4 câu)					
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	TL	TN	Tổng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Chương I: TRỒNG TRỌT	Bài 1: Giới thiệu về trồng trọt	4 (C1–C4)				1TL (TL1: 1đ)		1	4	2,00
		Bài 2: Làm đất trồng cây	2 (C5, C6)	2 (C7, C8)		1TL (TL2: 2đ)			1	4	3,00
		Bài 3: Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng	2 (C9, C10)	4 (C11–C14)				1TL (TL3: 2đ)	1	6	3,50
		Bài 4: Thu hoạch sản phẩm trồng trọt		2 (C15, C16)				1TL* (TL4: 1đ)	1	2	1,50
2	Số câu/ý TN, số câu TL (YCCĐ)		8TN	8TN	—	1TL	1TL	2TL	4	16	
3	Điểm số		2,0	2,0	0,0	2,0	1,0	3,0	6,0	4,0	10,0
4	Tổng số điểm		4,0 điểm			6,0 điểm			10 điểm		10 điểm

KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1
MÔN: CÔNG NGHỆ; LỚP: 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá	Số câu/ý theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Chương I: TRỒNG TRỌT	Bài 1: Giới thiệu về trồng trọt	Nhận biết: - Trình bày được vai trò và triển vọng của ngành trồng trọt. - Nêu được đặc điểm một số nghề phổ biến, những yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt. Thông hiểu: - Sắp xếp được các loại cây vào những nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam.	4TN (C1–C4)	1TL (TL1: 1đ)	
		Bài 2: Làm đất trồng cây	Nhận biết: - Nêu được một số công việc làm đất và khái niệm bón phân lót. - Kể được một số loại phân bón được sử dụng để bón lót. Thông hiểu: - Trình bày được mục đích và yêu cầu kỹ thuật của các công việc làm đất trồng cây.	2TN (C5, C6) 1TL (TL2: 2đ)	2TN (C7, C8)	
		Bài 3: Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng	Nhận biết: - Nêu được các bước trong kỹ thuật gieo trồng, các công việc chăm sóc cây trồng và nguyên tắc phòng trừ sâu, bệnh hại. Thông hiểu: - Trình bày được ý nghĩa của kỹ thuật gieo trồng và mục đích của các biện pháp chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh. - Phân biệt được một số kỹ thuật gieo trồng thường dùng với từng loại cây. Vận dụng: - Vận dụng kiến thức thực tiễn để lựa chọn biện pháp chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh phù hợp.	2TN (C9, C10)	4TN (C11–C14)	1TL (TL3: 2đ)
		Bài 4: Thu hoạch sản phẩm trồng trọt	Nhận biết: - Nhận biết được một số cách thu hoạch sản phẩm trồng trọt phù hợp với từng loại cây trồng. Thông hiểu: - Trình bày được mục đích, yêu cầu và một số phương pháp thu hoạch phổ biến. Vận dụng: - Lựa chọn được cách thu hoạch thích hợp với loại cây trồng và tình huống cụ thể.		2TN (C15, C16)	1TL* (TL4: 1đ)
Tổng số câu/ý				8TN 1TL	8TN 1TL	2TL

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2026 - 2027

MÔN NGŨ VĂN 7

Thời gian: 90 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn về năng lực Ngữ văn trình độ lớp 7 (CT Ngữ văn 2018).
- Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản; cảm thụ, phân tích để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG:

- Kiến thức phần Đọc hiểu:** Văn bản truyện; Số từ
- Kiến thức phần Viết:** Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Hình thức:** Tự luận (100%)
- Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng		% tổng điểm
			Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	
1	Đọc hiểu	Văn bản Truyện	2	2,0	1	1,5	1	1,5	4	5,0	50%
		Số từ	1	1,0	0	0	0	0	1	1,0	10%
2	Viết	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ bốn chữ, năm chữ	0*	0,5*	0*	1,5*	1*	2,0*	1	4,0	40%
Tổng			3	3,5	1	3,0	2	3,5	6	10,0	100%
Tỉ lệ %											100%

	35%	30%	35%			
--	-----	-----	-----	--	--	--

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng số câu	Điểm
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		
1	Đọc hiểu	Văn bản Truyện	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, bối cảnh, ngôi kể, người kể chuyện trong truyện ngắn. - Nhận biết các chi tiết, sự việc tiêu biểu, hành động, lời nói của nhân vật. Thông hiểu: - Phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại, nội tâm. - Hiểu được ý nghĩa của các chi tiết/ hình ảnh biểu tượng trong tác phẩm; xác định chủ đề, thông điệp tư tưởng của câu chuyện. Vận dụng: - Nêu được bài học đạo lí hoặc kinh nghiệm ứng xử trong cuộc sống rút ra từ truyện ngắn. - Bày tỏ thái độ đồng tình hoặc phản đối với cách ứng xử của nhân vật, liên hệ với bản thân.	2 (C1, C2)	1 (C4)	1 (C5)	4	5,0
		Số từ	Nhận biết: - Nhận biết được số từ (số từ chỉ số lượng chính xác/ ước chừng hoặc số từ chỉ thứ tự) trong câu văn/ ngữ liệu cho sẵn. - Phân biệt số từ với các lượng từ hoặc danh	1 (C3)	0	0	1	1,0

			từ chỉ đơn vị.					
2	Viết	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	Nhận biết: - Xác định đúng hình thức đoạn văn (không xuống dòng tùy tiện, dung lượng khoảng 150 - 200 chữ hoặc 12 - 15 dòng). - Xác định đúng đối tượng biểu cảm: một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. - Đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ pháp, liên kết câu. Thông hiểu: - Nêu được ấn tượng chung và cảm xúc chủ đạo về bài thơ. - Chỉ ra và làm rõ những nét độc đáo về nghệ thuật (thể thơ, vần, nhịp, hình ảnh, từ ngữ đặc sắc, biện pháp tu từ). - Lí giải được ý nghĩa, cảm xúc mà nét nghệ thuật ấy gợi ra. Vận dụng: - Khái quát được thông điệp, ý nghĩa sâu sắc của bài thơ đối với bản thân. - Lối văn truyền cảm, giàu cảm xúc, có những rung cảm và phát hiện riêng tinh tế.	0*	0*	1*	1 câu (TL)	4,0
Tổng				3	1	2	6	10,0
Tỉ lệ %				35%	30%	35%		100%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Loại bài kiểm tra: định kỳ - Giữa HK1

Khối 7 – ICT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Thực hành						
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng.	Bài 1. Thiết bị vào – ra.	3	2	3	2	1	1				5	3	4	30% 3
		Bài 2. Phần mềm máy tính.	2	2	2	2	1	1				4	3	3	25% 2.5
		Bài 3. Quản lý dữ liệu trong máy tính.	3	3	2	2	1	1				5	4	3	30% 3
2	Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.	Bài 4. Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet.	2	2	2							2	2	2	15% 1.5
Tổng số câu			10	9	9	6 ý	3 ý	3 ý				16	12	12	
Tổng số điểm			2.5	2.25	2.25	1.5	0.75	0.75				4	3	3	

Tỉ lệ %	70%	30%		40%	30%	30%	
---------	-----	-----	--	-----	-----	-----	--

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Thực hành		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai” ²			Trả lời ngắn ³					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng.	Bài 1. Thiết bị vào – ra.	* Biết: – Biết và nhận ra được các thiết bị vào – ra có nhiều loại, hình dạng khác nhau. * Hiểu: – Nêu được ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách sẽ gây ra lỗi cho thiết bị và hệ thống xử lý thông tin. * Vận dụng: – Thực hiện đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính.	3	2	3	2	1	1						
		Bài 2. Phần mềm máy tính.	* Biết: – Phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng. * Hiểu: – Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí của hệ điều hành. * Vận dụng: – Phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng.	2	2	2	2	1	1						

		Bài 3. Quản lí dữ liệu trong máy tính.	* Biết: – Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính. * Hiểu: – Nêu được ví dụ về biện pháp bảo vệ dữ liệu như sao lưu, phòng chống virus,... * Vận dụng: – Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo, sao chép, di chuyển, đổi tên, xoá tệp và thư mục.	3	3	2	2	1	1						
2	Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.	Bài 4. Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet.	* Biết: – Nêu được tên các kênh trao đổi thông tin, chức năng cơ bản và nhận biết được các website là mạng xã hội. * Hiểu: – Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái. * Vận dụng: – Sử dụng được các chức năng cơ bản của mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin.	2	2	2									
Tổng số câu				10	9	9	6 ý	3 ý	3 ý						
Tổng số điểm				2.5	2.25	2.25	1.5	0.75	0.75						
Tỉ lệ %				70%			30%								

TRƯỜNG TH, THCS & THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 7 – NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ	1.1. Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	4 (TN 1,2,3,4) 1,0đ	1 (TL 1a) 0,5đ				1 (TL 1b) 0,5đ	6,5
		1.2. Các phép tính với số hữu tỉ			1 (TN 5) 0,25đ	2 (TL 2a, 3a) 1,5đ		3 (TL 2b, 3b, 6) 2,5đ	
		1.3 Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ			1 (TN 6) 0,25đ				
2	Góc và đường thẳng song song	2.1. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	1 (TN 7) 0,25đ						1,75
		2.2. Tiên đề Euclid. Hai đường thẳng song song và tính chất của hai đường thẳng song song.	1 (TN 8) 0,25đ	1 (TL 4a) 0,5đ	1 (TN 9) 0,25đ	1 (TL 4b) 0,5đ			
3	Tam giác bằng nhau	3.1 Tổng các góc trong một tam giác	1 (TN 10) 0,25đ						1,75

		3.2 Tam giác bằng nhau. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của hai tam giác	1 (TN 11) 0,25đ		1 (TN 12) 0,25đ	2 (TL 5a, 5b) 1,0đ			
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0	2 1,0	4 1,0	5 3,0		4 3,0	23 10,0
Tỉ lệ %			30%		40%		30%		100%
Tỉ lệ chung			70%			30%			100%

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TOÁN – LỚP 7 - NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
SỐ VÀ ĐẠI SỐ						
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	Nhận biết – Nhận biết được số hữu tỉ và tập hợp số hữu tỉ – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. Vận dụng - Thực hiện so sánh hoặc sắp xếp các số hữu tỉ cho trước theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.	4TN 1TL		1TL
		Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó. - Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán. - Tìm được giá trị của x trong 1 một số bài tập.		1TN 2TL	3TL

			- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.			
		Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ	Thông hiểu - Tính được giá trị của lũy thừa. - Thực hiện được các phép tính nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số và lũy thừa của lũy thừa		1TN	
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG						
2	Góc và đường thẳng song song	Các góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	Nhận biết - Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt: Hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh. - Nhận biết được hai góc đối đỉnh thì bằng nhau. - Nhận biết được tia phân giác của một góc.	1TN		
		Tiên đề Euclid. Hai đường thẳng song song và tính chất của hai đường thẳng song song	Nhận biết: - Nhận biết được các góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng. - Mô tả dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc so le trong, cặp góc đồng vị. - Nhận biết tiên đề Euclid. - Mô tả một số tính chất của hai đường thẳng song song. Thông hiểu - Nhận ra hai đường thẳng song song dựa và dấu hiệu nhận biết. - Tính được số đo góc dựa vào tính chất của hai đường thẳng song song.	1TN 1TL	1TN 1TL	

3	Tam giác bằng nhau	Tổng các góc của một tam giác	Nhận biết - Nhận biết được định lí về tổng số đo ba góc trong một tam giác. - Tính được số đo góc của tam giác dựa vào định lí tổng số đo các góc trong tam giác.	1TN		
		Tam giác bằng nhau. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của hai tam giác	Nhận biết: - Nhận biết hai tam giác bằng nhau. - Nhận biết được dấu hiệu nhận biết hai tam giác bằng nhau (trường hợp bằng nhau thứ nhất của hai tam giác) Thông hiểu: - Xác định các yếu tố trong tam giác dựa vào hai tam giác bằng nhau	1TN	1TN 2TL	

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ NGOẠI NGỮ

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1
Môn: Tiếng Anh 7
Năm học 2026-2027

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	- Nghe hiểu	3		2				5	
2	- Ngữ âm	4						4	
3	- Từ vựng trong ngữ cảnh	2		4		1		7	
4	- Ngữ pháp: <i>Present simple tense (Unit 1)</i>	1						1	
5	- Ngữ pháp: <i>Past simple tense (Unit 3)</i>	1						1	
6	- Ngữ pháp: <i>Present continuous tense (Unit 3)</i>	1						1	
7	- Ngữ pháp: <i>Verbs of linking & disliking + Ving (Unit 1)</i>	1						1	
8	- Ngữ pháp: <i>Should + V0 (Unit 2)</i>	1						1	
9	- Ngữ pháp: <i>Don't + V0 (Unit 2)</i>	1						1	
10	- Ngữ pháp: <i>Expressing Purpose: S + V + to + Vo (Unit 3)</i>					1		1	
11	- Ngữ pháp: <i>Adverbs of frequency (Unit 1)</i>					1		1	
12	- Chức năng giao tiếp	1		1				2	
13	- Đọc thông tin biển báo, quảng cáo	1		1				2	
14	- Đọc điền từ			4		2		6	
15	- Đọc hiểu, trả lời câu hỏi	3		2		1		6	
16	- Từ loại						4		4
17	- Sắp xếp các thành phần trong câu để tạo thành câu có nghĩa hoàn chỉnh (câu đơn – câu phức/ghép)				1		1		2
18	- Biến đổi câu						4		4
TỔNG		20	0	14	1	6	9	40	10
TỈ LỆ		40 %		30 %		30 %		80 %	20 %

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HK I KHỐI 7 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Nghe	Nghe thông tin chi tiết	Biết - Nghe được các thông tin về thời gian, số lượng ... Hiểu - Dự đoán thông tin cần điền (vật, thức ăn, hành động sống lành mạnh...), nghe hiểu, và điền đúng thông tin. <i>+ Nội dung thuộc Unit 2</i>	3	2	
2	Ngữ âm	Phát âm	Biết - Xác định được từ gạch chân có cách phát âm khác với các từ còn lại <i>+ Phân biệt các từ có âm /ə/ / æ/</i> <i>+ Phân biệt các từ tận cùng có -s: /s/, /z/</i> <i>Nguyên âm – phụ âm trong từ đơn âm được lấy từ Unit 1, 2, 3</i>	2		
		Nhấn âm	- Biết - Xác định được từ có vị trí nhấn khác các từ còn lại. <i>Các từ 2, 3 âm tiết; được lấy từ được lấy từ Unit 1,2,3</i>	2		
3	Từ vựng	Từ vựng trong ngữ cảnh	Biết - Tìm được giới từ cố định sau một số động từ, tính từ hoặc các cụm từ quen thuộc <i>+ be interested in (Unit 1)</i> - Tìm được từ thường kết hợp với từ cho sẵn để tạo thành cụm từ cố định; <i>+ stay up late (Unit 2)</i> Hiểu - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. <i>+ sore throat/ fever/ stomachache/ headache</i> <i>+ donate / volunteer / recycle / organize</i> <i>+ reuse bottles / plant trees / pick up litter / help the elderly</i> <i>+ take/ have/ do/ play</i> <i>Từ vựng thuộc Unit 1,2,3</i>	2 (1 giới từ - 1 cụm từ cố định)	4	1

			Vận dụng - Làm rõ sự khác nhau về cách sử dụng giữa các từ có cùng trường nghĩa (<i>thesaurus</i>); từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. <i>+ drugs/ medicines/ pills/ tablets</i> <i>Từ vựng thuộc Unit 2</i>			
4	Ngữ pháp	Thì của động từ	Biết - Xác định được thì của động từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức của thì vừa được xác định. <i>+ Present simple tense: every day (Unit 1)</i>	1		
		(cấu trúc theo đơn vị bài học)	Biết - Xác định được tên của cấu trúc từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức khớp với cấu trúc vừa được xác định. <i>+ Adverbs of frequency (Unit 1)</i> <i>+ Should + V0 (Unit 2)</i> <i>+ Enjoy + V-ing (Unit 1)</i> <i>+ Past simple tense (Unit 3)</i> <i>+ Don't + V0 (Unit 2)</i> Vận dụng - Sử dụng kiến thức về hình thức và cách sử dụng của các cấu trúc có mối liên quan gần nhau; từ đó xác định đúng cấu trúc và chọn được cụm từ có hình thức khớp với cấu trúc vừa được xác định. <i>+ S + V(ed/2) + to + V0 (Unit 3)</i> <i>+ Present simple tense & Past simple tense</i>	5		2
5	Nói	Chức năng giao tiếp	Biết - Nhận ra lời nói của người đối diện là lời mời, lời chào hỏi, lời khen ... dựa vào hình thức, cấu trúc đã được học; từ đó lựa chọn cách phản hồi đúng. <i>+ Đáp lại lời mời (Unit 2)</i> Hiểu - Diễn giải thông tin người nói; từ đó lựa chọn phản hồi phù hợp <i>+ Đáp lại câu hỏi thông tin (Unit 3)</i>	1	1	
6	Đọc	Thông tin	Biết	1	1	

			- Xác định đúng ý nghĩa biểu báo. + <i>Biểu báo giao thông</i> Hiểu - So sánh các lời phát biểu với ý nghĩa của biểu báo; từ đó chọn đúng lời phát biểu mô tả đúng ý nghĩa của biểu báo. + <i>Thông báo</i>			
		Điền từ	Hiểu - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các liên từ, từ đó chọn đúng liên từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. Vận dụng - Xem xét ý nghĩa của đoạn văn từ đó chọn đúng liên từ đảm bảo tính mạch lạc. - Làm rõ sự khác nhau về cách sử dụng giữa các từ có nghĩa gần giống nhau (<i>thesaurus</i>); từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. <i>Nội dung bài đọc thuộc Unit 2</i>		4 - 1 noun - 1 verb - 1 adjective - 1 adverb	1 <i>(1 liên từ)</i> 1
		Đọc hiểu	Biết - Xác định được thông tin trong bài đọc bằng cách sử dụng từ khóa (<i>key word</i>); từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng hay sai; Hiểu - Diễn giải thông tin bài đọc và thông tin trong phát biểu; từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng, sai hay không được nhắc đến - Diễn giải ngữ cảnh trong bài đọc; từ đó dự đoán được nghĩa của từ vựng và chọn được từ có nghĩa gần giống với từ được gạch chân; (<i>câu hỏi từ vựng đồng nghĩa</i>) Vận dụng - Xem xét kĩ các thông tin trong bài đọc; từ đó tìm ra đúng ý chính của đoạn văn đọc hiểu <i>+ Nội dung bài đọc thuộc Unit 1</i>	3	2 <i>(gồm 1 câu NI và 1 câu từ vựng)</i>	1
7	Viết	Từ loại	Vận dụng - Xem xét kĩ từ loại còn thiếu, từ đó cung cấp đúng từ loại để được câu hoàn chỉnh			4

			+ <i>creative (a) → create (v) (Unit 3)</i> + <i>collection (n) → collect (v) (Unit 1)</i> - Tạo ra được từ vựng có hình thức đúng dựa trên việc sử dụng kiến thức về chức năng, vị trí, cách thành lập của các loại từ và có nghĩa hợp với ngữ cảnh. + <i>strong (a) → strength (n) / strengthen (v) (Unit 2)</i> + <i>health (n) → healthy/ unhealthy (a) Unit 2)</i>			
	Trật tự của từ	Hiểu - Nhận ra được thành phần chính của câu đơn bị xáo trộn và đặt lại đúng vị trí. + <i>Lấy từ nội dung của Unit 1</i> Vận dụng - Sử dụng kiến thức về câu phức, câu ghép và hiểu nghĩa các từ, cụm từ; từ đó viết được câu hoàn chỉnh + <i>Lấy từ nội dung của Unit 2</i>		1	1	
	Biến đổi câu	Vận dụng - Hoàn thiện câu dựa trên việc sử dụng kiến thức về cấu trúc đã được dạy. + <i>Cấu trúc câu: It's important (for sb) + to V ... → I suggest that you should + V (Unit 2)</i> + <i>Cấu trúc câu: S + V(ed/2) + to Vo ... → S + V(ed/2) + ... so that S + could + V + ... (Unit 3)</i> + <i>Cấu trúc câu: I love → My favorite(Unit 1)</i> - Tạo lập câu dựa trên việc sử dụng kiến thức về cấu trúc và cặp từ đồng nghĩa – phản nghĩa đã được dạy hoặc phối hợp 2 cấu trúc khác nhau. + <i>Cấu trúc câu: S + spent + time (on) + V_ing ...→ It took + sb + time + to V</i>			4	

Tổng câu (50 câu)	20	15	15
Tổng điểm (10 điểm)	4	3	3
Tỉ lệ	40%	30%	30%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2026 - 2027

KHỐI 7

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 1.2 GDĐP 7. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỉ lệ %	Tổng số câu TN và TL
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		Vận dụng		Vận dụng cao						
			Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL			
	Chủ đề 1: Đặc điểm dân số và phân bố dân cư Thành phố Hồ Chí Minh (3 tiết)	– Trình bày được đặc điểm của quy mô, gia tăng dân số và cơ cấu dân số Thành phố Hồ Chí Minh. – Trình bày được tình hình phân bố dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh. – Phân tích ảnh hưởng của sự phân bố dân cư đến phát triển kinh tế – xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.	6		2				1		8	1	20,25	50%	8

2	Chủ đề 2: Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh từ thế kỉ X đến thế kỉ XVII (3 tiết)	- Nêu được sơ lược lịch sử hình thành Thành phố Hồ Chí Minh qua các giai đoạn từ thế kỉ X đến thế kỉ XVII. - Trình bày được các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội của cộng đồng dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh từ thế kỉ X đến thế kỉ XVII.	4		2		1				6	1	20,25	50%	8
Tổng			10		4		1		1		14	2	45	<i>100</i> %	16

BẢNG ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - GDDP 7 - NĂM HỌC: 2026 - 2027

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 1.2 GDDP 7. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

St t	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra	Câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
				Câu hỏi TN	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TL
1	Chủ đề 1: Đặc điểm dân số và phân bố dân cư Thành phố Hồ Chí Minh (3 tiết)	– Trình bày được đặc điểm của quy mô, gia tăng dân số và cơ cấu dân số Thành phố Hồ Chí Minh. – Trình bày được tình hình phân bố dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh. – Phân tích ảnh hưởng của sự	Biết: Đặc điểm quy mô, gia tăng dân số và cơ cấu dân số Thành phố Hồ Chí Minh. Hiểu: Tình hình và nguyên nhân phân bố dân cư không đều ở Thành phố Hồ Chí Minh. Vận dụng: Phân tích ảnh hưởng của sự phân bố dân cư đến phát triển kinh tế – xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và giải pháp khắc phục.	6	2		1

		phân bố dân cư đến phát triển kinh tế – xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.					
2	Chủ đề 2: Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh từ thế kỉ X đến thế kỉ XVII (3 tiết)	- Nêu được sơ lược lịch sử hình thành Thành phố Hồ Chí Minh qua các giai đoạn từ thế kỉ X đến thế kỉ XVII. - Trình bày được các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội của cộng đồng dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh từ thế kỉ X đến thế kỉ XVII.	Biết: Sơ lược lịch sử hình thành Thành phố Hồ Chí Minh qua các giai đoạn thế kỉ X – XVII; dấu mốc lịch sử năm 1623. Hiểu: Quá trình và đặc điểm các hoạt động kinh tế (nông nghiệp, thủ công, giao thương đường sông biển) và văn hóa – xã hội của cộng đồng dân cư ở TP.HCM từ thế kỉ X đến thế kỉ XVII. Vận dụng/Vận dụng cao: Trân trọng bài học lịch sử khai phá, có ý thức và hành động cụ thể của học sinh góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản lịch sử – văn hóa địa phương.	4	2	1	
Tổng số câu: 16				10	4	1	1

a) Khung ma trận

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng số câu			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm									Tự luận						
			Phần I (Trắc nghiệm nhiều lựa chọn)			Phần II (Trắc nghiệm đúng sai)			Phần III (Trả lời ngắn)									
			NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	
			Địa lí															
1	CHÂU ÂU	– Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu - Đặc điểm tự nhiên châu Âu. - Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)	C1,C2 C3 C7,C8	C4											C1,2 C3	C4		10%
2	CHÂU Á	– Đặc điểm tự nhiên. – Vị trí địa lí, phạm vi châu Á – Đặc điểm dân cư, xã hội	C5,6			C1-a	C1-b	C1-c,d					C1- TLa	C1 - TL b	C5,6 C1-a	C1- b C1- TL a	C1- d C1- TLb	25%
Tổng số câu			7	1		1	1	2					1	1				
Tổng điểm			1.75	0.25		0.25	0.25	0.5					1.0	1.0	2.0	1.5	1.5	50%
			30%									20 %			20 %	15 %	15 %	50%
Lịch sử																		

1	TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	– Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu. – Các cuộc phát kiến địa lí. - Văn hoá Phục hưng. - Phong trào cải cách tôn giáo.	C9,10 C11,12									C1- TLa	C1 - TL b	C1,2 C9,10 C11,1 2	C1- TL a	C1- TLb	
	TRUN G QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	– Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX	C13,14	C16										C13,1 4	C1 6		
	ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	– Vương triều Gupta	C15			C1-a	C1-b	C1-c,d						C15 C1-a	C1- b	C1- c,d	
Tổng số câu			7	1		1	1	2				1	1				
Tổng điểm			1.75	0.25		0.25	0.25	1.0				1.0	1.0	2.0	1.5	1.5	50%
Tỉ lệ %			30%										20%	20 %	15 %	15 %	50%
TỔNG			60%										40%	40 %	30 %	30 %	100 %

b) Bản đặc tả

[illegible]

[illegible]

[illegible]

**TRUNG
QUỐC
TỪ THẾ
KỈ VII
ĐẾN
GIỮA
THẾ KỈ
XIX**

– Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

– Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

VD:

– Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).

NB:

– Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường

TH:

– Mô tả được sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh

- Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...)

VD:

– Nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...)

C13,
14

C16

3	ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	– Vương triều Gupta	NB: – Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ. – Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta. TH: - Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX VD: – Nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.	C15			C1-a	C1-b	C1-c,d						
Tổng số câu				7	1		1	1	2					1	1
Tổng điểm				1.75	0.25		0.25	0.25	0.5					1.0	1.0

